TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN Ô MÔN** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 24-01-2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Mẫn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Quốc Trung

2. Ông Bùi Quang Nghĩa

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Anh Dũng, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

Trong ngày 24 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 219/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Th, sinh năm 1980. Có mặt

2. Bị đơn: ÔngHà Hữu D, sinh năm 1973. Vắng mặt

Cùng địa chỉ: khu vực Thới Lợi A, phường Thới A, quận Ô M, thành phố CT

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/6/2024 nguyên đơn bà Trần Thị Th trình bày:

Bà Tho và ông Hà Hữu D xây dựng hôn nhân gia đình vào năm 1997, đến năm 2009 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Thới An, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ theo quy định của pháp luật.

Thời gian đầu vợ chồng sống êm ấm, hạnh phúc, cả hai vợ chồng đều lo làm ăn, lao động kiếm sống, nhưng đến năm 2012 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường bất hòa về mặt tình cảm. Sau đó, bà Th ra ngoài ở riêng và sống ly thân với ông D đến nay. Hiện tại bà Th cho rằng Bà không còn tình cảm với ông D, cuộc hôn nhân không hàn gắn được nên bà Th làm đơn khởi kiện xin ly hôn với ông D

Về con chung: Bà Th khai nhận có 01(một) người con chung tên là Hà Thị Mỹ H, sinh ngày 26/10/1998 (đã trưởng thành). Bà Th không yêu cầu xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Th khai nhận không có và không yêu cầu tòa án giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Bà Trần Thị Th với ông Hà Hữu D chung sống với nhau như vợ chồng và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nay, bà Th có đơn yêu cầu ly hôn, nên quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp ly hôn" theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Về sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa không lý do, mặc dù tòa án đã triệu tập hợp lệ lần 2 để xét xử, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2]. Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Hội đồng xét xử nhận thấy, nguyên nhân dẫn đến ly hôn, theo bà Th trình bày thì vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay, hiện tại tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được.Trong quá trình giải quyết vụ án, ông D vắng mặt mặc dù đã được tòa án triệu tập đến để hòa giải cho đôi bên đoàn tụ nhưng ông D vẫn không đến, từ đó xét thấy ông D không còn thiện chí để níu kéo lại quan hệ hôn nhân vợ chồng với bà Th, không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ vợ chồng theo luật định là

phải thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Vì vậy, lý do ly hôn của bà Tho là có căn cứ để xem xét chấp nhận.

[3]. Về con chung: có 01 người con chung tên là Hà Thị Mỹ H, sinh ngày 26/10/1998 (đã trưởng thành). Bà Tho không yêu cầu xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Th khai nhận không có. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Th chịu theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51, 53, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

- Về hôn nhân: Cho bà Trần Thị Th ly hôn với ôngHà Hữu D

- Về con chung: Chị Hà Thị Mỹ H, sinh ngày 26/10/1998 (đã trưởng thành), bà Tho không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Th khai nhận không có. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu.

[2]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), bà Th phải chịu. Chuyển số tiền tạm ứng án phí bà Th đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002232 ngày 22/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ thành án phí (công nhận bà Th đã nộp xong).

[3]. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự có mặt, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo luật định đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND quận Ô Môn;
- Thi hành án quận Ô Môn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Mẫn